

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 4- 2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Cư

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Lệ Quân- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trịnh N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thu T tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên, có tổ chức lễ kết hôn theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã P, thị xã Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian. Sau khi sinh hai con chung thì vợ chồng không còn thường xuyên chung sống, tình cảm không còn và mâu thuẫn hôn nhân

ngày càng trầm trọng dẫn đến không còn tiếng nói chung. Đến nay, anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2013, phần ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Trịnh Ngọc Q, sinh ngày 03/4/2002 và Trịnh Ngọc P, sinh ngày 21/10/2003, hiện nay các con đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, tự nuôi sống bản thân. Vì vậy, anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Thu T đã nhận các thông báo của Tòa án nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Trịnh N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T ở thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Trịnh N và chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hoàn toàn hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Về phía chị T, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của anh N. Tòa án cũng đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng chị T không đến tham gia. Cả chị T và anh N đã ly thân hơn 10 năm. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị T đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, cho anh N được ly hôn chị T.

[3] Về con chung: Anh N và chị T có 02 con chung tên Trịnh Ngọc Q, sinh ngày 03/4/2002 và Trịnh Ngọc P, sinh ngày 21/10/2003, hiện nay các con đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trịnh Nghi P1 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trịnh N được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: Có hai có 02 con chung tên Trịnh Ngọc Q, sinh ngày 03/4/2002 và Trịnh Ngọc P, sinh ngày 21/10/2003 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh N khai không có.

4. Về án phí: Anh Trịnh N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004327 ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phô An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

--	--

